

Bản án: 119/2020/HNGĐ-ST

Ngày 22/5/2020

V/v *Tranh chấp “ Xin ly hôn,
về nuôi con chung”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm cả

Thẩm phán - Chủ tọa phiên Tòa: Bà Nguyễn Thị Chuyên

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phan Ngọc Lợi

Ông Hà Bửu Khánh

- Thư ký phiên Tòa : Bà Huỳnh Thị Phương là thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng : Không tham gia phiên tòa

Ngày 22 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số : 82/2020/TLST-HNGĐ, ngày 13 tháng 2 năm 2020 vụ tranh chấp Hôn nhân và gia đình “Xin ly hôn, về nuôi con chung” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số : 46/2020/QĐXXST- HNGĐ, ngày 04 tháng 5 năm 2020, giữa :

1.*Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Thúy A, sinh năm: 1998; Địa chỉ: ấp Thạnh N, xã Thạnh H, huyện G, tỉnh Kiên Giang (có mặt).

2.*Bị đơn:* Anh Phan Văn T, sinh năm: 1995; Địa chỉ: ấp Khu phố A, thị trấn G, huyện G, tỉnh Kiên Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 03/01/2020 và trong quá trình xét xử , nguyên đơn chị Trần Thị Thúy A trình bày: Chị và anh T trước khi lấy nhau có tìm hiểu trước và được gia đình cha mẹ hai bên tổ chức lễ cưới ngày 06/12/2014, nhưng không đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống cũng có lúc hạnh phúc và cũng thường xuyên cãi nhau do anh T thường xuyên ăn chơi, tụ tập đánh nhau không lo làm ăn. Vợ chồng đã nhiều lần hàn gắn nhưng vẫn không có kết quả. Nay chị thấy cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, hôn nhân không thể tiếp tục duy trì nên chị A yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T; Về con chung : Trong quá trình chung sống vợ chồng có 01 đứa con chung tên Phan Bảo H, sinh ngày 28/11/2015 hiện đang ở với chị, chị xin được nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng; Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

Chị Trần Thị Thúy A có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình “Xin ly hôn , về nuôi con chung” giữa chị và anh T. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện nên Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm là đúng trình tự, thủ tục tố tụng.

Về sự vắng mặt của đương sự: Anh T với tư cách là bị đơn đã được Tòa án tổng đạt đầy đủ các thủ tục tố tụng nhưng anh T không làm bản tự khai , cố tình vắng mặt không có lý do. Xét thấy việc vắng mặt của anh T không làm ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án căn cứ vào khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối anh Phan Văn T.

[2]. Về nội dung:

{2.1} Về hôn nhân: Chị Trần Thị Thúy A và anh Phan Văn T trước khi cưới nhau có tìm hiểu trước và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới vào ngày 06/12/2014 nhưng anh chị không đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Vì vậy, hôn nhân của anh chị không được pháp luật thừa nhận là hôn nhân hợp pháp . Do đó, áp dụng khoản 1 Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, tuyên bố không công nhận chị Trần Thị Thúy A và anh Phan Văn T là vợ chồng.

{2.2} Về con chung: Vợ chồng anh chị có 01 người con chung tên Phan Bảo H, sinh ngày 28/11/2015, hiện con đang sống với chị A, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con. Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý cho anh T nhưng anh T không thể hiện ý kiến về việc chị A xin được nuôi con chung của anh chị. Hội đồng xét xử thấy rằng từ khi chị A và anh T sống ly thân cho đến nay cháu H sống với chị A, chị vẫn chăm sóc cho cháu phát triển tốt về mặt thể chất lẫn tinh thần, anh T không tới lui thăm nom chăm sóc con mà để mặc chị A nuôi con. Cho nên, áp dụng khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình; Xử giao cháu Phan Bảo H cho chị A tiếp tục nuôi dưỡng đến khi các con đủ 18 tuổi (trừ trường hợp thay đổi quyền nuôi con theo quy định của pháp luật). Chị A không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không giải quyết.

Anh T có quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở.

{2.3} Về tài sản chung, nợ chung: Không có

[3] Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng áp phí lệ phí Tòa án:

Án phí ly hôn sơ thẩm chị Trần Thị Thúy A phải nộp là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị A đã nộp theo biên lai thu tiền số 3102 ngày 13/2/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng . Chị A đã nộp đủ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 01 Điều 14, khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng áp phí lệ phí Tòa án:

1. Về hôn nhân : Tuyên bố không công nhận chị Trần Thị Thúy A và anh Phan Văn T là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao cháu Phan Bảo H, sinh ngày 28/11/2015 cho chị A tiếp tục nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi (trừ trường hợp thay đổi quyền nuôi con theo quy định của pháp luật). Chị A không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không giải quyết.

Anh T có quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có

4. Về án phí ly hôn sơ thẩm chị Trần Thị Thúy A phải nộp là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị A đã nộp theo biên lai thu tiền số 3102 ngày 13/2/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng. Chị A đã nộp đủ.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định là 15 ngày; chị Trần Thị Thúy A được tính kể ngày tuyên án (ngày 22/5/2020). Anh T được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết của Tòa án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh, huyện;
- Chi cục thi hành án;
- Đương sự;
- UBND xã;
- Lưu hồ sơ, Vp

**TM. Hội đồng xét xử sơ thẩm
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Chuyên